TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
10.01.2024 14:49:37
+07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 10/01/2024 14:44:36

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 61 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Kế hoạch trồng cây phân tán của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1644/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 và số 1485/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 về việc phê duyệt hồ sơ phương án thuyết minh và thiết kế kỹ thuật, dự toán Kế hoạch trồng cây phân tán của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Tỉnh đoàn Quảng Ngãi tại Tờ trình số 47-TTr/TĐTN-TCHC ngày 04/10/2023 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 230/BC-STC ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

- Tên dự án: Kế hoạch trồng cây phân tán của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ngãi.

- Chủ đầu tư: Tỉnh đoàn Quảng Ngãi.

- Địa điểm xây dựng: trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	**2.008.823.719**	**1.862.438.843**
1	Xây dựng	1.588.405.481	1.582.545.846
2	Quản lý dự án	48.455.565	48.453.699
3	Tư vấn ĐTXD	138.461.816	132.366.000
4	Chi phí khác	137.842.585	99.073.298
6	Dự phòng	95.658.272	0

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Thực hiện			
		Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(4)+(5)
Ngân sách tỉnh	2.008.823.719	1.862.438.843	1.853.297.997	1.564.154	10.705.000

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số	**1.862.438.843**			
1.Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	1.862.438.843			
2.Tài sản ngắn hạn	0			

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Ngân sách tỉnh	1.862.438.843	

b) Các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

- Tổng nợ phải thu: 1.564.154 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 10.705.000 đồng.

c) Thực hiện công nợ: Thu hồi 1.564.154 đồng nộp vào ngân sách tỉnh (qua tài khoản 7111) và tổng hợp khoản nợ phải trả là 10.705.000 đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trình cấp có thẩm quyền bố trí trả nợ.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục II đính kèm)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản: 1.862.438.843 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	Tỉnh đoàn Quảng Ngãi	1.862.438.843	0

3. Tỉnh đoàn Quảng Ngãi chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, hồ sơ pháp lý trình phê duyệt quyết toán; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 230/BC-STC ngày 29/12/2023 và nội dung quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Quảng Ngãi; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Quảng Ngãi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, NC (lnphong10)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hoàng Tuấn

Phụ lục số I

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
DỰ ÁN KẾ HOẠCH TRỒNG CÂY PHÂN TÁN CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số: 61 /QĐ-UBND ngày 10 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đề nghị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)
I	**Chi phí xây dựng**	**1,588,405,481**	**1,584,110,000**	**1,582,545,846**	**-5,859,635**	**-1,564,154**
1	Trồng, chăm sóc cây phân tán	1,554,967,000	1,554,966,000	1,554,966,000	-1,000	0
2	Biển báo hiệu công trình thanh niên	27,579,846	29,144,000	27,579,846	0	-1,564,154
3	Chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước	5,858,635	-	-	-5,858,635	0
II	**Chi phí quản lý dự án**	**48,455,565**	**48,453,699**	**48,453,699**	**-1,866**	0
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**138,461,816**	**132,366,000**	**132,366,000**	**-6,095,816**	**0**
1	Khảo sát hiện trường, lập hồ sơ phương án thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	82,251,009	82,251,000	82,251,000	-9	0
2	Thẩm tra thiết kế, thẩm tra dự toán	6,277,521	6,277,000	6,277,000	-521	0
3	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	6,091,895	-	0	-6,091,895	0
4	Giám sát thi công	43,841,391	43,838,000	43,838,000	-3,391	0
IV	**Chi phí khác**	**137,842,585**	**113,060,387**	**99,073,298**	**-38,769,287**	**-13,987,089**
1	Tập huấn, tuyên truyền	53,460,000	53,220,000	53,220,000	-240,000	0
2	Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch	8,500,000	8,475,000	8,475,000	-25,000	0
3	Chi phí thẩm định giá giống cây trồng	3,000,000	3,000,000	3,000,000	0	0
4	Phí thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán	4,071,289	4,071,289	4,071,289	0	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đề nghị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(3)	(7)=(5)-(4)
5	Kiểm tra, nghiệm thu hoàn công	19,604,276	19,602,009	19,602,009	-2,267	
6	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	24,692,089	24,692,089	10,705,000	-13,987,089	-13,987,089
7	Chi phí kiểm toán	24,514,931	-	0	-24,514,931	
V	**Chi phí dự phòng**	**95,658,272**	-	**0**	**-95,658,272**	
	Tổng cộng	**2,008,823,719**	**1,877,990,086**	**1,862,438,843**	**-146,384,876**	**-15,551,243**

Phụ lục số II

BẢNG CÔNG NỢ

DỰ ÁN KẾ HOẠCH TRỒNG CÂY PHÂN TÁN CỦA ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Quyết định số: 61 /QĐ-UBND ngày 10 /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	
I		**Chi phí xây dựng**	**1,582,545,846**	**1,584,110,000**	**-1,564,154**	**0**
1	Công ty TNHH khoa học và công nghệ Nông Tín	Trồng và chăm sóc cây phân tán	1,554,966,000	1,554,966,000	0	0
2	Công ty TNHH MTV tổ chức sự kiện Thanh niên TN	Gia công lắp đặt biển báo hiệu công trình thanh niên	27,579,846	29,144,000	-1,564,154	0
II		**Chi phí quản lý dự án**	**48,453,699**	**48,453,699**	**0**	**0**
3	Tỉnh đoàn Quảng Ngãi	Quản lý dự án	48,453,699	48,453,699	0	0
III		**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**	**132,366,000**	**132,366,000**	**-**	**-**
4	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ AFQ	Khảo sát hiện trường, lập hồ sơ phương án thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (giai đoạn năm 2018-2021)	38,969,000	38,969,000	0	0
5	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ FSC	Khảo sát hiện trường, lập hồ sơ phương án thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (giai đoạn năm 2019-2022)	43,282,000	43,282,000	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	
6	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ AFQ	Thẩm tra thiết kế, thẩm tra dự toán (giai đoạn năm 2018-2021)	2,959,000	2,959,000	0	0
7	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ FSC	Thẩm tra thiết kế, thẩm tra dự toán (giai đoạn năm 2018-2022)	3,318,000	3,318,000	0	0
8	Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ FSC	Giám sát thi công	43,838,000	43,838,000	0	0
IV		**Chi phí khác**	**99,073,298**	**88,368,298**	**-**	**10,705,000**
9	Tỉnh đoàn Quảng Ngãi	Tập huấn, tuyên truyền	53,220,000	53,220,000	0	0
10	Tỉnh đoàn Quảng Ngãi	Tổng kết đánh giá thực hiện kế hoạch	8,475,000	8,475,000	0	0
11	Công ty CP thông tin và thẩm định giá Miền Trung	Thẩm định giá giống cây trồng	3,000,000	3,000,000	0	0
12	Chi Cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi	Thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán	4,071,289	4,071,289	0	0
13	Tỉnh đoàn Quảng Ngãi	Kiểm tra, nghiệm thu hoàn công	19,602,009	19,602,009	0	0
14	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	10,705,000	0	0	10,705,000
	Tổng cộng		**1,862,438,843**	**1,853,297,997**	**-1,564,154**	**10,705,000**